

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K3 NĂM 2015

Tháng 12 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	848	879	31	12.870	398.970	
102	8	857	872	15	12.870	193.050	
103	7	604	626	22	12.870	283.140	
104	8	566	585	19	12.870	244.530	
105	8	519	531	12	12.870	154.440	
106	8	501	501	0	12.870	0	
107	PSHC				12.870	0	
108					12.870	0	
109	8	720	747	27	12.870	347.490	
110	8	341	350	9	12.870	115.830	
111	8	524	525	1	12.870	12.870	
112	8	799	813	14	12.870	180.180	
113	5	607	622	15	12.870	193.050	
114	8	579	600	21	12.870	270.270	
201	8	720	740	20	12.870	257.400	
202	8	536	553	17	12.870	218.790	
203	8	1267	1292	25	12.870	321.750	
204	8	727	753	26	12.870	334.620	
205	8	920	977	57	12.870	733.590	
206	8	801	822	21	12.870	270.270	
207	7	1169	1184	15	12.870	193.050	
208	8	899			12.870	0	
209	8	1070	1097	27	12.870	347.490	
210	8	1069	1083	14	12.870	180.180	
211	8	1336	1353	17	12.870	218.790	
212	8	825	846	21	12.870	270.270	
213	8	890	904	14	12.870	180.180	
214	8	895	916	21	12.870	270.270	
301	7	829	843	14	12.870	180.180	
302	8	871	895	24	12.870	308.880	
303	8	1019	1042	23	12.870	296.010	
304	8	749	770	21	12.870	270.270	
305	8	739	771	32	12.870	411.840	
306	8	917	940	23	12.870	296.010	
307	PSHC				12.870	0	
308					12.870	0	
309	8	757	774	17	12.870	218.790	
310	8	772	789	17	12.870	218.790	

311	8	700	701	1	12.870	12.870	
312	8	703	720	17	12.870	218.790	
313	8	719	731	12	12.870	154.440	
314	8	852	866	14	12.870	180.180	
401	8	812	823	11	12.870	141.570	
402	8	742	754	12	12.870	154.440	
403	8	879	885	6	12.870	77.220	
404	8	702	723	21	12.870	270.270	
405	8	456	459	3	12.870	38.610	
406	8	574	586	12	12.870	154.440	
407	8	657	667	10	12.870	128.700	
408	8	705	715	10	12.870	128.700	
409	8	457	467	10	12.870	128.700	
410	8	563	585	22	12.870	283.140	
411	8	527	548	21	12.870	270.270	
412	8	470	485	15	12.870	193.050	
413	7	655	675	20	12.870	257.400	
414	8	427	440	13	12.870	167.310	
501	8	577	592	15	12.870	193.050	
502	8	420	430	10	12.870	128.700	
503	8	401	412	11	12.870	141.570	
504	8	431	434	3	12.870	38.610	
505	8	455	463	8	12.870	102.960	
506	8	455	460	5	12.870	64.350	
507	7	316	331	15	12.870	193.050	
508	8	290	308	18	12.870	231.660	
509	8	513	530	17	12.870	218.790	
510	8	289	297	8	12.870	102.960	
511	6	328	348	20	12.870	257.400	
512	8	392	400	8	12.870	102.960	
513	8	319	330	11	12.870	141.570	
514	7	467	478	11	12.870	141.570	
Cộng	517			1.042		13.410.540	

(Bảng chữ: Mười ba triệu bốn trăm mười nghìn năm trăm bốn mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà